

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày 29/01/2019

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Bình

2. Ông Nguyễn Văn Thủy

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 29/01/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXX-ST ngày 10/01/2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: T, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

-Bị đơn: Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
(Hiện đang lao động tại Đài Loan).

Đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Đức H là: Ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1952; Đại chỉ: Thôn H, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai đề ngày 20/12/2018 nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đức H kết hôn ngày 18/10/2011. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà chồng làm dâu ở chung cùng gia đình chồng. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 7/2013 thì anh H đi lao động tại Đài Loan. Ban đầu sang Đài Loan thì anh H vẫn thường xuyên gọi điện thoại về hỏi thăm vợ. Đến năm 2014 thì giữa chị và anh H ít liên lạc dần. Nguyên nhân là do giữa vợ chồng sống xa cách lâu ngày, không hiểu và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn và cãi nhau. Đầu năm 2015 chị có đi Nhật Bản lao động. Chị và anh H cũng rất ít khi liên lạc, có liên lạc chỉ vì con chung. Vợ chồng đã không còn quan tâm tới nhau. Từ tháng 12/2017 đến nay thì chị về sinh sống hẳn ở Việt Nam. Anh H vẫn lao động ở Đài Loan. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đức H.

-Về con chung: chị và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Sinh H, sinh ngày 02/8/2012. Ly hôn chị đồng ý để anh H nuôi cháu H, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

-Về tài sản, Công nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đức H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn ngày 18/10/2011. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh làm dâu ở chung cùng gia đình anh. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 7/2013 thì anh đi lao động tại Đài Loan. Ban đầu sang Đài Loan thì anh vẫn thường xuyên gọi điện thoại về hỏi thăm vợ. Đến năm 2014 thì giữa vợ chồng ít liên lạc dần. Nguyên nhân là do vợ chồng sống xa cách lâu ngày, không hiểu và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn và cãi nhau. Đầu năm 2015 chị H có đi Nhật Bản lao động. Anh và chị H cũng rất ít khi liên lạc, có liên lạc chỉ vì con chung. Hiện nay chị H đã về sinh sống hẳn ở Việt Nam còn anh vẫn lao động ở Đài Loan. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn.

-Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Sinh H, sinh ngày 02/8/2012. Ly hôn anh và chị H đều đồng ý để anh nuôi cháu H, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

-Về tài sản, Công nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh đang lao động tại Đài Loan nên anh đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị H và anh. Anh cũng ủy quyền cho ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1952, trú tại: Thôn H, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh và thông báo lại cho anh biết.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Do chị H và anh H đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức H đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh H.

[2].Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị H có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Đức H, anh H có hộ khẩu thường trú tại: Thôn H, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Hiện nay anh H đang lao động tại Đài Loan. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3].Về quan hệ Hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức H kết hôn ngày 18/10/2011, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị H về nhà chồng làm dâu ở chung cùng gia đình chồng. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 7/2013 thì anh H đi lao động tại Đài Loan. Đến năm 2014 thì giữa chị H và anh H xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng ít liên lạc dần. Nguyên nhân là do vợ chồng sống xa cách lâu ngày, không hiểu và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn và cãi nhau. Đến nay cả chị H, anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị H xin ly hôn anh H, anh H cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H và anh H được ly hôn.

[4].Về con chung: Chị H và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Sinh H, sinh ngày 02/8/2012. Ly hôn chị H và anh H đều đồng ý để anh H nuôi cháu Hùng, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình giao cho anh H trực tiếp nuôi con chung, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết. Chị H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

[5].Về tài sản, công nợ: Chị H anh H đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6].Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng

dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đức H.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Đức H là người trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Sinh H, sinh ngày 02/08/2012. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

3.Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000112 ngày 10/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

4.Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Nguyễn Đức H hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã L, huyện Y;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

Hoàng Thị Thu Hiền

